Nhập học đại học dành cho sinh viên nước ngoài năm 2027

Cẩm nang tuyển sinh hệ đại học nhập học mới và hệ chuyển tiếp.

PAI CHAI UNIVERSITY

<Mục lục>

1. Lịch trình tuyển sinh & nội dung ····· 1

a. Kỳ xuân ····· 1

• Tuyển sinh lần 1 ····· 1

• Tuyển sinh lần 2 ····· 1

• Tuyển sinh tập 3 ····· 1

b. Chú ý ····· 2

2. Ngành tuyển sinh & số lượng ····· 3

a. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên mới ····· 3

b. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 2 ····· 4

c. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 3 ····· 5

d. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 4 ····· 6

3. Điều kiện ứng tuyển & giấy tờ cần thiết ····· 7

a. Điều kiện ứng tuyển ····· 7

b. Hồ sơ cần nộp ····· 8

4. Phương pháp sàng lọc và tuyển chọn ····· 9

a. Phương pháp sàng lọc ····· 9

b. Phương pháp tuyển chọn ····· 9

5. Lệ phí và ghi chú ····· 9

a. Lệ phí đăng ký ····· 9

b. Chú ý ····· 9

c. Cách điền đơn nhập học ····· 10

6. Chế độ học bổng ····· 11

7. Học phí ····· 12

8. Ký túc xá (Khu nhà ở sinh viên) ····· 13

<Mẫu>

- Đơn đăng ký xét tuyển dành cho học sinh đại học nhập học mới, có bố mẹ là người nước ngoài ····· 14

- Đơn đăng ký xét tuyển dành cho học sinh đại học hệ chuyển tiếp, có bố mẹ là người nước ngoài ····· 15

- Thư chấp thuận nhập học chuyển tiếp đặc biệt cho sinh viên chuyển tiếp, có bố mẹ là người nước ngoài ····· 16

1. Lịch tuyển sinh và nội dung chính:

a. Kỳ xuân

1) Tuyển sinh lần 1

Phân loại	Lịch trình tiến hành	Nội dung chính
Nhận đơn đăng ký	21.10.2026(T4) ~ 17:00, 28.10.2026 (T4)	- Tiếp nhận đơn online (U-way)
Nộp hồ sơ (Bản giấy)	21.10.2026 (T4) ~ 17:00, 29.10.2026 (T5)	- Tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.
Kết quả trúng tuyển	10.11.2026 (T3)	- Thông báo riêng đến từng cá nhân
Thời hạn nộp học phí	12.11.2026(T5) ~ 17.11.2026 (T3)	- Tài khoản ngân hàng kookmin được chỉ định

2) Tuyển sinh lần 2

Phân loại	Lịch trình tiến hành	Nội dung chính
Nhận đơn đăng ký	23.11.2026(T3) ~ 17:00, 27.11.2026 (T6)	- Tiếp nhận đơn online (U-way)
Nộp hồ sơ (Bản giấy)	23.11.2026 (T2) ~ 17:00, 30.11.2026 (2)	- Tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.
Kết quả trúng tuyển	8.12.2026 (T3)	- Thông báo riêng đến từng cá nhân
Thời hạn nộp học phí	10.12.2026 (T5) ~ 15.12.2026 (T3)	- Tài khoản ngân hàng kookmin được chỉ định

3) Tuyển sinh lần 3

Phân loại	Lịch trình tiến hành	Nội dung chính
Nhận đơn đăng ký	21.12.2026(T2) ~ 17:00, 30.12.2026 (T4)	- Tiếp nhận đơn online (U-way)
Nộp hồ sơ (Bản giấy)	21.12.2026 (T2) ~17:00, 04.01.2027 (T2)	- Tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.
Kết quả trúng tuyển	12.01.2027 (T3)	- Thông báo riêng đến từng cá nhân
Thời hạn nộp học phí	14.01.2027 (T5) ~ 19.01.2027 (T3)	- Tài khoản ngân hàng kookmin được chỉ định

※ Việc đánh giá tư cách ứng tuyển được tiến hành toàn diện ở từng giai đoạn sàng lọc, chẳng hạn như trình độ ứng tuyển cơ bản và điều tra lý lịch học vấn, và kết quả sàng lọc không được công bố.

※ Chỉ những học sinh được xác định là có vấn đề trong quá trình sàng lọc mới được liên hệ riêng.

b. Chú ý

1) Đơn đăng ký chỉ được chấp nhận đăng ký trực tuyến.

2) Nếu khó xác minh tính thật giả chỉ với các tài liệu do người ứng tuyển nộp, thì có thể yêu cầu các tài liệu bổ sung.

3) Các tài liệu đã nộp và lệ phí nộp đơn sẽ không được hoàn trả.

4) Đơn vị tuyển sinh của trường chỉ được đăng ký một khoa (khoa).

5) Nếu được xác nhận rằng bạn đã vào trường bằng các phương tiện gian lận hoặc lừa đảo, việc nhập học của bạn sẽ bị hủy bỏ ngay cả khi bạn vẫn đang theo học.

6) Việc hoàn trả học phí được thực hiện theo quy định của nhà trường.

7) Đối với tuyển sinh đại học, ngành tuyển sinh được tuyển chọn trong quá trình tuyển sinh theo quy định của nhà trường.

8) Khoa Giáo dục mầm non, Khoa Kiến trúc và Khoa Điều dưỡng không tuyển sinh.

9) Sinh viên quốc tế được đăng ký bảo hiểm y tế với tư cách là thành viên địa phương của Bảo hiểm Y tế Quốc dân.

※**【Cách nộp hồ sơ】**

▶ Đến trực tiếp nộp hoặc gửi đến địa chỉ:

(35345) 대전광역시 서구 배재로 155-40(도마동) 배재대학교 백산관 4층 B411호 국제교류처 국제학생교류팀

- English Address: B411 International Exchange Team, 4th floor, Baeksan Hall, Pai Chai University, 155-40 Baejae-ro, Seo-gu, Daejeon (Doma-dong)

2. Ngành tuyển sinh và số lượng

a. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên mới

Năm học 2027			
Khối	Khoa (ngành) và chuyên ngành (đơn vị tuyển sinh)		Số lượng
Khoa học Xã hội và Nhân văn	Khoa Ngôn ngữ Văn học và Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc		Không giới hạn
	Khoa tiếng Nhật		
	Khoa Pháp luật Cảnh sát	Ngành cảnh sát học	
		Ngành luật học	
	Khoa Hành chính công		
	Khoa tư vấn tâm lý		
	Khoa Quản trị kinh doanh		
	Khoa Quản trị và Thông tin IT		
	Khoa Thương mại quốc tế		
	Khoa Quản trị Du lịch		
	Khoa quản lý hàng không khách sạn		
	khoa Dịch vụ Hàng không		
	Khoa Nội dung Truyền thông		
Khoa học Tự nhiên	Khoa Thời trang và May mặc		
	Khoa Dinh dưỡng và Thực phẩm		
	Khoa Ẩm thực & Nấu ăn		
	Khoa Làm vườn & Lâm nghiệp		
	Khoa Phúc lợi & Y tế công cộng		
Kỹ thuật	Khoa Công nghệ Sinh học		
	Khoa Kỹ thuật Phần mềm AI	Ngành Kỹ thuật Máy tính	
		Ngành Khoa học Phần mềm	
		Ngành An toàn Thông tin	
		Ngành Kỹ thuật Game	
		Ngành Trí tuệ Nhân tạo	
	Khoa Kỹ thuật AI Vật lý	Ngành Kỹ thuật Drone và Robot	
		Ngành Điện tử Tích hợp AI	
	Khoa Kỹ thuật Điện		
	Khoa Kỹ thuật Xây dựng Đường sắt		
	Khoa Pin Thông minh		
	Khoa Kiến trúc Nội thất		
	Khoa Kiến trúc Cảnh quan		
Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao	Khoa Phục hồi Chức năng & Phúc lợi Thể thao		
	Khoa Nghệ thuật & Webtoon	Ngành Nghệ thuật & Webtoon	
		Ngành Hoạt hình Game	
	Khoa Thiết kế	Ngành Thiết kế Truyền thông	
		Ngành Thiết kế Công nghiệp	
	Khoa Quảng cáo, Nhiếp ảnh & Truyền hình		
	Khoa Chăm sóc Sắc đẹp		
	Khoa Nghệ thuật Biểu diễn	Ngành Âm nhạc Ứng dụng	
		Ngành Điện ảnh–Đạo diễn và Sản xuất phim	
		Ngành Điện ảnh – Nghệ thuật diễn xuất	
	Khoa Thể thao & Giải trí	Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe	
		Ngành Marketing Thể thao	
Khoa học Xã hội và Nhân văn	**Khoa Hội tụ Toàn cầu (Khoa dành riêng cho sinh viên quốc tế)**	Ngành Nghiệp vụ biên phiên dịch Tiếng Hàn	
		Ngành Kinh doanh Văn hóa Hàn Quốc	
		Ngành kinh doanh toàn cầu	
Kỹ thuật		Ngành tích hợp IT-AI Toàn cầu	
Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao		Ngành Công nghiệp làm đẹp & Thời trang	
Khoa học Xã hội và Nhân văn		Ngành Du lịch Y tế Quốc tế	
Khoa học Tự nhiên		Ngành Công nghệ Thực phẩm(K-Food)	

b. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 2

Năm học 2026			
Khối	Khoa (ngành) và chuyên ngành (đơn vị tuyển sinh)		Số lượng
Khoa học Xã hội và Nhân văn	Khoa Ngôn ngữ Văn học và Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc		Không giới hạn
	Khoa tiếng Nhật		
	Khoa Pháp luật Cảnh sát	Ngành cảnh sát học	
		Ngành luật học	
	Khoa Hành chính công		
	Khoa tư vấn tâm lý		
	Khoa Quản trị kinh doanh		
	Khoa Quản trị và Thông tin IT		
	Khoa Thương mại quốc tế		
	Khoa Quản trị Du lịch		
	Khoa quản lý hàng không khách sạn		
	khoa Dịch vụ Hàng không		
	Khoa Nội dung Truyền thông		
Khoa học Tự nhiên	Khoa Thời trang và May mặc		
	Khoa Dinh dưỡng và Thực phẩm		
	Khoa Ẩm thực & Nấu ăn		
	Khoa Làm vườn & Lâm nghiệp		
	Khoa Phúc lợi & Y tế công cộng		
Kỹ thuật	Khoa Công nghệ Sinh học		
	Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử		
	Khoa Pin Thông minh		
	Khoa Kỹ thuật Drone và Robot		
	Khoa Kỹ thuật Xây dựng Đường sắt		
	Khoa Kỹ thuật Phần mềm	Ngành Kỹ thuật Máy tính	
		Ngành Khoa học Phần mềm	
		Ngành An toàn Thông tin	
		Ngành Kỹ thuật Game	
	Khoa Kiến trúc Nội thất		
	Khoa Kiến trúc Cảnh quan		
Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao	Khoa Phục hồi Chức năng & Phúc lợi Thể thao		
	Khoa Nghệ thuật & Webtoon	Ngành Nghệ thuật & Webtoon	
		Ngành Hoạt hình Game	
	Khoa Thiết kế	Ngành Thiết kế Truyền thông	
		Ngành Thiết kế Công nghiệp	
	Khoa Quảng cáo, Nhiếp ảnh & Truyền hình		
	Khoa Chăm sóc Sắc đẹp		
	Khoa Nghệ thuật Biểu diễn		
	Khoa Thể thao & Giải trí	Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe	
		Ngành Marketing Thể thao	
Khoa học Xã hội và Nhân văn	**Khoa Hội tụ Toàn cầu (Khoa dành riêng cho sinh viên quốc tế)**	Ngành Nghiệp vụ biên phiên dịch Tiếng Hàn	
		Ngành Kinh doanh Văn hóa Hàn Quốc	
		Ngành Kinh doanh toàn cầu	
Kỹ thuật		Ngành Tích hợp IT-AI Toàn cầu	
Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao		Ngành Công nghiệp làm đẹp & Thời trang	
Khoa học Xã hội và Nhân văn		Ngành Du lịch Y tế Quốc tế	

c. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 3

Năm học 2025			
Khối	Khoa (ngành) và chuyên ngành (đơn vị tuyển sinh)		Số lượng
Khoa học Xã hội và Nhân văn	Khoa Ngôn ngữ Văn học và Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc		Không giới hạn
	Khoa tiếng Nhật		
	Khoa Pháp luật Cảnh sát	Ngành cảnh sát học	
		Ngành luật học	
	Khoa Hành chính công		
	Khoa tư vấn tâm lý		
	Khoa Quản trị kinh doanh		
	Khoa Quản trị và Thông tin IT		
	Khoa Thương mại quốc tế		
	Khoa Quản trị Du lịch		
	Khoa Quản lý hàng không khách sạn		
	khoa Dịch vụ Hàng không		
	Khoa Nội dung Truyền thông		
Khoa học Tự nhiên	Khoa Công nghệ Sinh học		
	Khoa Dinh dưỡng và Thực phẩm		
	Khoa Ẩm thực & Nấu ăn		
	Khoa Khoa học Làm vườn và Lâm nghiệp		
	Khoa Phúc lợi & Y tế công cộng		
	Khoa Thời trang và May mặc		
Kỹ thuật	Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử		
	Khoa Pin Thông minh		
	Khoa Kỹ thuật Drone và Robot		
	Khoa Kỹ thuật Xây dựng Đường sắt		
	Khoa Kỹ thuật Phần mềm	Ngành Kỹ thuật Máy tính	
		Ngành Khoa học Phần mềm	
		Ngành An toàn Thông tin	
		Ngành Kỹ thuật Game	
	Khoa Kiến trúc Nội thất		
	Khoa Kiến trúc Cảnh quan		
Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao	Khoa Nghệ thuật & Webtoon	Ngành Nghệ thuật & Webtoon	
		Ngành Hoạt hình Game	
	Khoa Thiết kế	Ngành Thiết kế Truyền thông	
		Ngành Thiết kế Công nghiệp	
	Khoa Quảng cáo, Nhiếp ảnh & Truyền hình		
	Khoa Chăm sóc Sắc đẹp		
	Khoa Nghệ thuật Biểu diễn		
	Khoa Thể thao & Giải trí	Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe	
		Ngành Marketing Thể thao	
Khoa học Xã hội và Nhân văn	**Khoa Hội tụ Toàn cầu (Khoa dành riêng cho sinh viên quốc tế)**	Ngành Nghiệp vụ biên phiên dịch Tiếng Hàn	
		Ngành Nội dung Văn hóa Hallyu	
		Ngành kinh doanh toàn cầu	
Kỹ thuật		Ngành IT Toàn cầu	

d. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên chuyển tiếp năm 4

Năm học 2024			
Khối	Khoa (ngành) và chuyên ngành (đơn vị tuyển sinh)		Số lượng
Khoa học Xã hội và Nhân văn	Khoa Ngôn ngữ Văn học và Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc		Không giới hạn
	Khoa tiếng Nhật		
	Khoa Pháp luật Cảnh sát		
	Khoa Hành chính công		
	Khoa tư vấn tâm lý		
	Khoa Quản trị kinh doanh		
	Khoa Quản trị và Thông tin IT		
	Khoa Thương mại quốc tế		
	Khoa Quản trị Du lịch		
	Khoa quản lý hàng không khách sạn		
	khoa Dịch vụ Hàng không		
	Khoa Nội dung Truyền thông		
Khoa học Tự nhiên	Khoa Công nghệ Sinh học		
	Khoa Dinh dưỡng và Thực phẩm		
	Khoa Ẩm thực & Nấu ăn		
	Khoa Khoa học Làm vườn và Lâm nghiệp		
	Khoa Phúc lợi & Y tế công cộng		
	Khoa Thời trang và May mặc		
Kỹ thuật	Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử		
	Khoa Pin Thông minh		
	Khoa Kỹ thuật Drone và Robot		
	Khoa Kỹ thuật Xây dựng Đường sắt		
	Khoa Kỹ thuật Phần mềm	Ngành Kỹ thuật Máy tính	
		Ngành Khoa học Phần mềm	
		Ngành An toàn Thông tin	
		Ngành Kỹ thuật Game	
	Khoa Kiến trúc Nội thất		
	Khoa Kiến trúc Cảnh quan		
Năng khiếu nghệ thuật và Thể thao	Khoa Nghệ thuật & Webtoon	Ngành Nghệ thuật & Webtoon	
		Ngành Hoạt hình Game	
	Khoa Thiết kế	Ngành Thiết kế Truyền thông	
		Ngành Thiết kế Công nghiệp	
	Khoa Quảng cáo, Nhiếp ảnh & Truyền hình		
	Khoa Chăm sóc Sắc đẹp		
	Khoa Nghệ thuật Biểu diễn		
	Khoa Thể thao & Giải trí	Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe	
		Ngành Marketing Thể thao	
Khoa học Xã hội và Nhân văn	**Khoa Hội tụ Toàn cầu (Khoa dành riêng cho sinh viên quốc tế)**	Ngành Nghiệp vụ biên phiên dịch Tiếng Hàn	
		Ngành Nội dung Văn hóa Hallyu	

3. Điều kiện ứng tuyển và các giấy tờ cần thiết

a. Điều kiện ứng uyển

Mục		Điều kiện	Chú ý
Sinh viên học bổng chính phủ		1. Những người đã được chọn là học sinh nhận học bổng do chính phủ tài trợ có cha, mẹ và bản thân đều là người nước ngoài (người nước ngoài thuần túy), đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến) tốt nghiệp trung học ở Hàn Quốc hoặc nước ngoài, đã hoàn thành khóa đào tạo tiếng Hàn khóa học tại Hàn Quốc và đã vượt qua bài kiểm tra năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3	0
Sinh viên người nước ngoài có bố mẹ là người nước ngoài	Nhập học mới	1. Ứng viên có bố, mẹ và bản thân đều là người nước ngoài (thuần túy là người nước ngoài), đã tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) cấp trung học phổ thông, và đạt TOPIK cấp 3 trở lên kỳ thi năng lực tiếng hàn hoặc đạt cấp 3 kỳ thi năng lực tiếng hàn Pai Chai (P-MOPIK) do Viện hàn ngữ của trường thực hiện (Tuy nhiên, đối với khoa học tự nhiên, kỹ thuật, nghệ thuật và giáo dục thể chất, có thể đăng ký TOPIK cấp 2 trở lên và phải hoàn thành hơn 300 giờ đào tạo tiếng Hàn trong một năm sau khi nhập học) 2. Ứng viên đạt 61 điểm trở lên ở kì thi đánh giá đầu vào của chương trình Hội nhập xã Hội (KIIP) của Bộ Tư pháp * Đối với khoa Hội tụ toàn cầu (chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu, IT toàn cầu), sinh viên nhập học theo hệ tiếng Anh (Hệ chuyên ngành với hơn 50% tín chỉ tốt nghiệp bằng tiếng Anh) yêu cầu TOEFL 530, IBT 71, IELTS 5.5, CEFRB2 trở lên.	Không giới hạn số lượng
	Học chuyển tiếp	1. Ứng viên có bố, mẹ và bản thân đều là người nước ngoài (thuần túy là người nước ngoài), đã tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) cấp trung học phổ thông, và đạt TOPIK cấp 3 trở lên kì thi năng lực tiếng hàn hoặc đạt cấp 3 kỳ thi năng lực tiếng hàn Pai Chai (P-MOPIK) do Viện hàn ngữ của trường thực hiện (Tuy nhiên, đối với khoa học tự nhiên, kỹ thuật, nghệ thuật và giáo dục thể chất, có thể đăng ký TOPIK cấp 2 trở lên và phải hoàn thành hơn 300 giờ đào tạo tiếng Hàn trong một năm sau khi nhập học) 2. Ứng viên đạt 61 điểm trở lên ở kì thi đánh giá đầu vào của chương trình Hội nhập xã Hội (KIIP) của Bộ Tư pháp a. Chuyển tiếp vào năm 2 - Đã hoàn thành ít nhất năm nhất (2 học kỳ) tại trường đại học hệ 4 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định. - Đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) trường cao đẳng hệ 2 hoặc 3 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định. b. Chuyển tiếp vào năm 3 - Đã hoàn thành ít nhất năm 2 (4 học kỳ) tại trường đại học hệ 4 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định. - Đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) trường cao đẳng hệ 2 hoặc 3 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định, hoặc thuộc đối tượng đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp). c. Chuyển tiếp vào năm 4 - Đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) trường cao đẳng hệ 3 năm và đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định. ※ Đối với tuyển sinh chuyển tiếp vào năm 4, chỉ được đăng ký vào cùng ngành đã học.	

b. Hồ sơ cần nộp

STT	Tên giấy tờ	Số lượng	Sinh viên học bổng chính phủ	Sinh viên nước ngoài		Lưu ý
			Nhập học mới	Nhập học mới	Chuyển tiếp	
1	Đơn xin nhập học theo mẫu quy định của nhà trường	1부	●	●	●	Đăng ký Uway
2	Giấy đồng ý xác nhận học vấn theo mẫu quy định của nhà trường	1부			●	
3	Bằng tốt nghiệp THPT (công chứng xác nhận Apostille hoặc xác nhận lãnh sự quán)	1부	●	●		Lưu ý: Hồ sơ nộp khi nhập học sẽ không được trả lại. Làm 2 Bằng tốt nghiệp cao nhất để nộp 2 nơi + 1 bản nộp trường khi nhập học + 1 bản nộp cục khi xin visa D2 Đối với thí sinh có hồ sơ học tập được cấp tại Trung Quốc, giấy tờ xác nhận học lực do Bộ Giáo dục Trung Quốc cấp có thể được sử dụng thay thế cho giấy chứng nhận Apostille hoặc giấy xác nhận lãnh sự.
4	Bảng điểm THPT (công chứng xác nhận Apostille hoặc xác nhận lãnh sự quán)	1부	●	●		
5	Giấy chứng nhận hoàn thành đại học trước đây, giấy chứng nhận tốt nghiệp (dự kiến) (công chứng xác nhận Apostille hoặc xác nhận lãnh sự quán)	1부			●	
6	Bảng điểm đại học trước đây (công chứng xác nhận Apostille hoặc xác nhận lãnh sự quán)	1부			●	
7	Sổ hộ khẩu hoặc giấy CT07, Giấy khai sinh (giấy tờ xác nhận mối quan hệ gia đình) (công chứng)	1부	●	●	●	Bố mẹ tất cả đều phải là người nước ngoài. Thông tin của bố mẹ phải được liệt kê rõ ràng trong giấy. Nếu có người giám hộ khác, học sinh nộp giấy tờ chứng nhận mối quan hệ
8	Chứng minh thư/Thẻ căn cước người nước ngoài của bố mẹ và người ứng tuyển (Bản sao)	1부	○	○	○	Chỉ dành cho người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc
9	- Giấy chứng nhận kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK cấp 3 trở lên) - Giấy chứng nhận đạt cấp 3 trở lên kỳ thi năng lực tiếng Hàn Pai Chai do viện Hàn ngữ của trường tổ chức (P-MOPIK) - Chương trình hội nhập xã hội KIIP Thi đầu vào trên 61 điểm(사전평가)	1부	●	●	●	Khối Khoa học Tự nhiên, Kỹ thuật và Nghệ thuật và Thể thao: Có thể đăng ký với TOPIK cấp 2 trở lên
10	Giấy chứng nhận sinh viên học bổng do chính phủ mời	1부	●			sinh viên học bổng chính phủ
11	Bản sao hộ chiếu	1부	●	●	●	
12	Giấy xác nhận số dư chứng minh tài chính ※ Trên 16 triệu won (đứng tên cá nhân hoặc cha mẹ) (Còn hạn trên 1 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ)	1부		●	●	* Học sinh đang học hoặc đã hoàn thành hệ tiếng và học sinh trao đổi tại viện Hàn ngữ của trường có thể thay thế bằng giấy chứng nhận đang học hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa học tại trường khi nộp hồ sơ đại học * Khi đổi visa: dù là với học sinh đang học khóa tiếng ở trường, cũng phải nộp giấy xác nhận số dư theo yêu cầu riêng khi gia hạn visa

※ Dấu ● là tài liệu bắt buộc và dấu ○ là tài liệu chỉ được gửi bởi người có liên quan.

※ Các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài không phải tiếng Hàn và tiếng Anh phải được nộp kèm theo bản dịch tiếng Hàn gốc có công chứng.

※ Theo quy định, phải nộp các tài liệu gốc. Nếu không thể tránh khỏi việc nộp bản sao, hãy mang theo bản gốc và phải nhận được sự kiểm tra từ người phụ trách tuyển sinh

4. Phương pháp sàng lọc và tuyển chọn (dành cho sinh viên mới và chuyển tiếp)

a. Phương pháp sàng lọc

1) Việc xét tuyển đặc biệt dành cho người nước ngoài, cả học sinh và phụ huynh được mời tham dự chính phủ, được xét tuyển chỉ qua xét tuyển hồ sơ.

2) Chuyên ngành Art & Webtoon và chuyên ngành thiết kế chuyển tiếp chỉ được đăng ký cùng một hệ thống

b. Phương pháp tuyển sinh

1) Đối với diện tuyển sinh đặc biệt dành cho Học bổng Chính phủ và thí sinh có cả cha và mẹ đều là người nước ngoài, về nguyên tắc, thí sinh sẽ được xét tuyển trúng tuyển nếu không có vấn đề về điều kiện dự tuyển và hồ sơ giấy tờ cần nộp

2) Trường hợp tại quốc gia của thí sinh không thể cấp hoặc không thể nộp một số giấy tờ theo yêu cầu, nhà trường sẽ xem xét chấp nhận nếu thí sinh nộp văn bản giải trình lý do không thể cung cấp các giấy tờ đó

5. Lệ phí đăng ký và chú ý

a. Lệ phí đăng ký

Hình thức	Lệ phí	Phí	Tổng
Sinh viên học bổng chính phủ	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Sinh viên nước ngoài	50,000원	5,000원	55,000원

b. Chú ý

1) Trong trường hợp không thể thông báo các thông tin do ghi sai số liên lạc (địa chỉ và số điện thoại) trên đơn hoặc do ngắt liên lạc thì không thể đưa ra ý kiến phản đối vì bất kỳ lý do nào sau này

2) Lịch tuyển sinh có thể thay đổi tùy theo tình hình của trường, vì vậy vui lòng kiểm tra thông báo của bộ phận nhập học

3) Người trúng tuyển phải nộp học phí trong thời hạn đăng ký quy định, nếu không hoàn thành học phí trong thời hạn thì coi như đã từ bỏ nhập học.

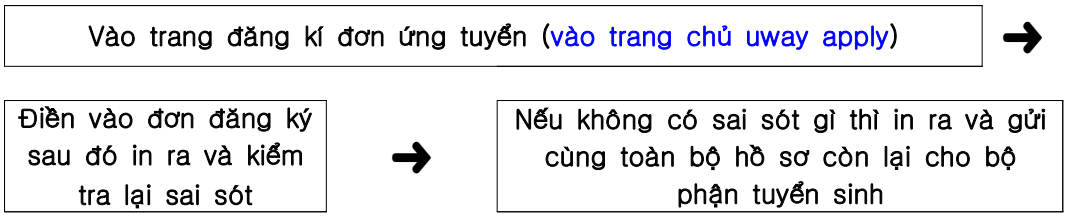
4) Hồ sơ nộp bản cứng phải đến trường trước thời hạn nộp, không tiếp nhận hồ sơ đến sau thời hạn nộp

5) Trường hợp nhập học bằng hệ tiếng Anh ngành kinh doanh toàn cầu, ngành IT toàn cầu của Khoa hội tụ tự do toàn cầu nếu có ít hơn 10 thí sinh trúng tuyển thì môn học đó có thể bị đóng cửa

6) Khoa tuyển sinh sẽ được ấn định cuối cùng trước khi bắt đầu học kỳ và có thể thay đổi việc có tuyển sinh hay không cũng như tên khoa

7) Vui lòng liên hệ với bộ phận tuyển sinh của trường theo số liên lạc bên dưới
Đảm nhận chính (042-520-5883), Tiếng nước ngoài: Tiếng anh (042-520-5243), Tiếng Trung(042-520-5884, Tiếng Việt (042-520-5846), Tiếng Nhật (042-520-5843)

c. Cách điền đơn nhập học



6. Chế độ học bổng

가. Học bổng trong trường

Tên học bổng	Tiêu chí cấp học bổng	Mức học bổng
Học bổng Toàn cầu (dành cho tân sinh viên)	Giảm 60% học phí trong học kỳ đầu tiên sau khi nhập học.	60%
Học bổng Toàn cầu (dành cho sinh viên đang theo học)	Từ học kỳ thứ hai sau khi nhập học, học phí được giảm dựa trên kết quả học tập của học kỳ trước và cấp độ TOPIK. [Tiêu chuẩn điểm số] GPA dưới 1.91: 0%; từ 1.91 đến dưới 3.5: 20%; từ 3.5 đến dưới 4.0: 25%; từ 4.0 trở lên: 30%. [Khối ngành] Khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: TOPIK cấp 4; các khối ngành khác: TOPIK cấp 3.	20%~30%
Học bổng thuộc Chương trình đào tạo nhân tài phát triển khu vực	Áp dụng từ học kỳ thứ hai sau khi nhập học. Sinh viên phải đạt GPA học kỳ trước từ 1.91 trở lên và được giảm học phí tùy theo cấp độ TOPIK.	600.000 ~ 1.500.000 원

※ Vui lòng liên hệ riêng để biết thêm thông tin về các chương trình học bổng khác.

※ Chế độ và tiêu chuẩn học bổng có thể thay đổi và được áp dụng theo quy định của trường đại học có hiệu lực tại thời điểm nhập học.

7. Học phí

가. Áp dụng theo mức học phí năm học 2026

Khối ngành		Học phí (mỗi học kỳ)
Khối Khoa học Xã hội và Nhân văn	Các ngành đại học thông thường (bao gồm Khoa Chuyên ngành Tự do)	3,438,000원
	Ngành Quản lý Thông tin IT	3,572,000원
	Ngành Dịch vụ Hàng không	3,793,000원
Khối Khoa học Tự nhiên	Các ngành đại học thông thường	3,873,000원
Khối Kỹ thuật và Nghệ thuật Thể dục thể thao		4,313,000원

※ Học phí năm học 2027 sẽ được quyết định vào tháng 2 năm 2027.

8. Ký túc xá (Khu nhà ở sinh viên)

가. Phí quản lý (áp dụng theo năm học 2026)

<table>
<tr><th>Tên ký túc xá</th><th>Giới tính</th><th>Loại phòng</th><th>Phí quản lý (học kỳ/원)</th><th>Tiện nghi và thông tin bổ sung</th></tr>
<tr><td rowspan="3">PAITEL A</td><td rowspan="3">Nữ</td><td>Phòng 2 người (dành cho người khuyết tật)</td><td>740,000</td><td rowspan="8">·Phòng được trang bị tủ quần áo, giá sách và giường tích hợp.
·Các tiện ích:
- Phòng nghỉ và không gian sinh hoạt văn hóa
- Quán Internet
- Phòng tập thể dục (phòng bóng bàn, phòng tập gym)
- Máy giặt và máy sấy quần áo dùng xu
- Phòng hội thảo
- Nhà ăn sinh viên và quán cà phê
- Cửa hàng tiện lợi
- Tủ nhận hàng tự động
- Khu vực giặt là và các tiện ích khác
- Ký túc xá 서재필 cũng có các tiện nghi nêu trên.</td></tr>
<tr><td>Phòng 2 người</td><td>740,000</td></tr>
<tr><td>Phòng 3 người</td><td>680,000</td></tr>
<tr><td rowspan="4">PAITEL B</td><td rowspan="4">Nam</td><td>Phòng 2 người (dành cho người khuyết tật)</td><td>740,000</td></tr>
<tr><td>Phòng 2 người</td><td>740,000</td></tr>
<tr><td>Phòng 3 người</td><td>680,000</td></tr>
<tr><td>Phòng 4 người</td><td>630,000</td></tr>
<tr><td>목련관</td><td>Nam</td><td>Phòng 4 người</td><td>550,000</td></tr>
<tr><td>집현관</td><td>Nam/ Nữ</td><td>Phòng 4 người</td><td>550,000</td></tr>
<tr><td>서재필관</td><td>Nam/ Nữ</td><td>Phòng 2 người</td><td>850,000</td><td rowspan="4">Các ký túc xá ngoài trường chỉ dành riêng cho sinh viên quốc tế.</td></tr>
<tr><td>양지타운 (ngoài trường)</td><td>Nam/ Nữ</td><td>Phòng đơn</td><td>300,000~400,000</td></tr>
<tr><td>배재하우스 (ngoài trường)</td><td>Nam/ Nữ</td><td>Phòng đơn</td><td>350,000~450,000</td></tr>
<tr><td>배재아트빌 (ngoài trường)</td><td>Nam/ Nữ</td><td>Phòng đơn</td><td>260,000~310,000</td></tr>
<tr><td>초콜릿 (ngoài trường)</td><td>Nam/ Nữ</td><td>Phòng đơn</td><td>260,000</td></tr>
</table>

※ Phí ăn uống không được bao gồm trong phí quản lý ký túc xá.

※ Phí quản lý có thể thay đổi do các yếu tố như chi phí tiện ích công cộng tăng.

※ Sinh viên có thể đăng ký cả những khu ký túc xá không dành riêng cho sinh viên quốc tế

【Mẫu điền đơn đăng kí nhập học UWAY】

2027학년도 배재대학교 부모 모두 외국인인
외국인 특별전형 신입학 입학원서

수험 번호	*

전형유형 (해당란에 ✔)	☑ 부모 모두 외국인인 외국인	☑ 정부초청장학생							
지원자	성 명	(한글) 배재인		(영문) Pai Chai In				사진 (4×5)	
	국 적	본인	중국	부	중국	모	중국		
	성 별	남		생년월일	1990년 12월 25일				
	여권번호	G1000		외국인 등록증번호	901225-5000000				
	최종학력	학교명	방정현학교						
		과정구분	고등학교 ☑						
		졸업구분	(3)학년 수료 ☐ 졸업 ☑						

모집단위	경영학과	모집단위 코드번호	7	2	4	전공	
						악기	

수학기간	학력사항	재학학년	한국 학교에 해당하는 과정	외국학교 소재지
1998. 3. ~ 2003. 2.	방정현초등학교	6	초등학교	중국 흑룡강성
2003. 3. ~ 2006. 2.	방정현중학교	3	중학교	중국 흑룡강성
2006. 3. ~ 2009. 2.	방정현고등학교	3	고등학교	중국 흑룡강성
	학교			

연 락 처	주 소	국내 : 배재고등학교 PAITEL 00호 00실
		본국 : 중국 흑룡강성 하얼빈시 방정현건설로 15-5
	E-mail	paichaiin@pcu.ac.kr
	비상연락처(본인) : 이름(배재인) 전화번호(000-0000-0000)	
	비상연락처(국내) : 이름(배재우) 전화번호(000-0000-0000) 관계(친구)	
	비상연락처(본국) : 이름(배재부) 전화번호(00-0000000000) 관계(부)	

본인은 배재대학교에 신입학하고자 소정의 서류를 갖추어 지원합니다.

년 월 일

지원자 성명 : 배 재 인 (서명 또는 날인)

배재대학교 총장 귀하

유웨이

※ Phải điền bằng tiếng Hàn; không điền vào các mục có ký hiệu *

【Mẫu điền đơn đăng kí chuyển tiếp】

2027학년도 배재대학교 부모 모두 외국인인 외국인 특별전형 편입학 입학원서

수험 번호	*

<table>
<tr><td colspan="2">전형유형
(해당란에 ✔)</td><td colspan="9">☑ 부모 모두 외국인인 외국인</td></tr>
<tr><td colspan="2">전형구분
(해당란에 ✔)</td><td colspan="9">2학년 편입 ☑ 3학년 편입 ☑ 4학년 편입 ☑</td></tr>
<tr><td rowspan="6">지
원
자</td><td>성 명</td><td colspan="3">(한글) 배재인</td><td colspan="5">(영문) Pai Chai In</td><td rowspan="6">사진
(4×5)</td></tr>
<tr><td>국 적</td><td>본인</td><td>중국</td><td>부</td><td colspan="2">중국</td><td>모</td><td colspan="2">중국</td></tr>
<tr><td>성 별</td><td colspan="3">여</td><td>생년월일</td><td colspan="4">1990년 12월 25일</td></tr>
<tr><td>여권번호</td><td colspan="3">G1000</td><td>외국인
등록증
번호</td><td colspan="4">901225-6000000</td></tr>
<tr><td rowspan="3">최종학력</td><td>학교명</td><td colspan="7">하얼빈검교학원</td></tr>
<tr><td>과정구분</td><td colspan="7">무역 학과
2,3년제 대학 ☑ 4년제 대학교 ☐</td></tr>
<tr><td>졸업구분</td><td colspan="7">(2)학년 수료 ☑ 졸업 ☐</td></tr>
<tr><td colspan="2">모집단위</td><td colspan="2">무역학과</td><td>모집단위
코드번호</td><td>8</td><td>2</td><td>4</td><td>전공</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="8"></td><td>악기</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">수학기간</td><td colspan="3">학력사항</td><td>재학학년</td><td colspan="3">한국 학교에
해당하는 과정</td><td colspan="2">외국학교
소재지</td></tr>
<tr><td colspan="2">2009. 3. ~ 2012. 2.</td><td colspan="3">하얼빈검교학원</td><td>3</td><td colspan="3">3년제 대학교</td><td colspan="2">중국 흑룡강성</td></tr>
<tr><td colspan="2"></td><td colspan="3"></td><td></td><td colspan="3"></td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2"></td><td colspan="3"></td><td></td><td colspan="3"></td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="6">연 락 처</td><td rowspan="2">주 소</td><td colspan="8">국내 : 배재대학교 PAITEL 00호 00실</td></tr>
<tr><td colspan="8">본국 : 중국 흑룡강성 하얼빈시 장양로 1389</td></tr>
<tr><td>E-mail</td><td colspan="8">paichaiin@pcu.ac.kr</td></tr>
<tr><td colspan="9">비상연락처(국내) : 이름(배재인) 전화번호(000-0000-0000)</td></tr>
<tr><td colspan="9">비상연락처(국내) : 이름(배재우) 전화번호(000-0000-0000) 관계(친구)</td></tr>
<tr><td colspan="9">비상연락처(본국) : 이름(배재부) 전화번호(00-0000000000) 관계(부)</td></tr>
<tr><td colspan="5">본인은 배재대학교에 편입학하고자 소정의 서류를 갖추어 지원합니다.

년 월 일
지원자 성명 : 배 재 인 (서명 또는 날인)

배재대학교 총장 귀하</td><td colspan="5">유웨이</td></tr>
</table>

※ Phải điền bằng tiếng Hàn; không điền vào các mục có ký hiệu *

【Mẫu giấy chấp thuận học chuyển tiếp 】

No.	

배재대학교
PAI CHAI UNIVERSITY

*(해외학교공식명칭 : 영문 또는 재학국언어)

School Name : ex) **(tại đây ghi tên trường đại học đã học) VIET NAM UNIVERSITY**

*(해외학교공식주소 : 영문 또는 재학국언어)

Address : ex) **(tại đây ghi địa chỉ của trường đã học) VIET NAM- HA NOI- THANH XUAN-....**

Subject : Transfer Student Information

To Whom it may concern :

*(해외학교에 등록된 본인이름)

We are pleased to have the following individual, ex) (**tên học sinh)** Kim Jong Hoon, transferred from your school, to study here at Pai Chai University. Your answers to the following questions are appreciated and will be held confidentially. For your reference, the student's Letter of Agreement is below.

If possible, a response from your office by fax will greatly help to expedite our processing of this individual's application. Thank you for cooperation.

Sincerely yours,
Wook Kim, PH. D.
President Pai Chai University

LETTER OF AGREEMENT

To whom it may concern :

I have applied to Pai Chai University in Daejeon, Korea for the 2025 academic year. In this regard, I would like to request your full assistance to Pai Chai University when they contact you regarding verification of enrollment and transcripts.

Written by applicant (지원자기록)	Verified by previously attended school (해외 학교 담당자 기록)
Is the credit that you acquired in university or college authorized by the Ministry of Education or an equivalent government agency? (해당국가 교육부가 인정하는 대학 또는 귀교에서 취득한 학점이 교육부나 이에 상응하는 정부기관에서 인정을 받습니까?)	☐ Yes ☐ No
Is it a 4 year degree program or 2~3 year diploma program? (몇 년제 대학입니까?)	☐ four year ☐ three year ☐ two year
Date of birth : _____	☐ Correct ☐ Incorrect
Date of admission(transfer from previous school): _____	☐ Correct ☐ Incorrect
Date of graduation(transfer from previous school): _____	☐ Correct ☐ Incorrect
Name and Signature : _____ Date : _____ _ _ _____	Additional comments : _____ Printed Name and Signature : _____